

Bản án số: 60/2018/HNGĐ-ST
Ngày 27 - 11 - 2018
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi
con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ GIÁO, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hiên.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Nguyễn Thị Kim Phượng;

Ông Nguyễn Trường Hải.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mùi – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Ông Trịnh Đình Phụng - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 11 năm 2018, tại trụ sở TAND huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 348/2018/TLST-HNGĐ ngày 20/8/2018 về việc “ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 51/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 22/10/2018, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Đoàn Mạnh T, sinh năm 1977; Thường trú: Tổ 4, ấp T T, xã A B, huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

- Bị đơn: Bà Lê Thị Thanh H, sinh năm 1980; Thường trú: Tổ 4, ấp T T, xã A B, huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương. Vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản lấy lời khai, tại phiên hoà giải ông Đoàn Mạnh T trình bày:

- Về hôn nhân: Ông với bà Lê Thị Thanh H sống chung vợ chồng từ năm 2005, việc sống chung là hoàn toàn tự nguyện không ai ép buộc, có tổ chức đám cưới theo phong tục tập quán, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã S T,

huyện H S, tỉnh Hà Tĩnh, ngày 08/3/2005. Trong thời gian chung sống lúc đầu ông bà sống hạnh phúc nhưng sau đó thì không hạnh phúc nữa. Ông bà phát sinh nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, thường xuyên cãi nhau các vấn đề trong cuộc sống. Ông đã nhiều lần hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng không được. Hiện tại vợ chồng đã ly thân, không quan tâm, chăm sóc lẫn nhau. Mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, tình cảm vợ chồng đã không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, nên ông yêu cầu được ly hôn với bà H.

- Về con chung: Trong quá trình chung sống ông bà có với nhau 01 con chung là Đoàn Thị Huyền T, sinh ngày 10/3/2006. Hiện tại cháu T đang ở với bà H. Ông nhường quyền nuôi con chung cho bà H và tự nguyện cấp dưỡng nuôi con 2.000.000 đồng/ tháng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

- Về tài sản chung, nợ chung: Ông không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản tự khai, biên bản hoà giải bà Lê Thị Thanh H trình bày:

- Về hôn nhân: Bà và ông T sống chung với nhau từ năm 2005 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã S T, huyện H S, tỉnh Hà Tĩnh vào ngày 08/3/2005, việc sống chung là hoàn toàn tự nguyện không ai ép buộc, có tổ chức đám cưới theo phong tục tập quán. Trong thời gian chung sống lúc đầu thì có hạnh phúc nhưng sau đó thì không hạnh phúc nữa. Ông, bà phát sinh nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, thường xuyên cãi nhau các vấn đề trong cuộc sống. Hiện tại vợ chồng đã ly thân, không quan tâm, chăm sóc lẫn nhau. Tình cảm vợ chồng đã không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, nay với yêu cầu ly hôn của ông T, bà đồng ý ly hôn.

- Về con chung: Ông, bà có 01 con chung là Đoàn Thị Huyền T, sinh ngày 10/3/2006. Hiện tại cháu T đang ở với bà. Bà yêu cầu được quyền nuôi con chung và yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con 2.000.000 đồng/tháng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

- Về tài sản chung: Bà xin Tòa án cho thêm 15 ngày để ông bà thỏa thuận về tài sản chung.

- Về nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Phú Giáo phát biểu ý kiến:

- Về việc tuân theo pháp luật của những người tham gia tố tụng, của những người tiến hành tố tụng: Những người tiến hành tố tụng như Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, Thư ký Tòa án, những người tham gia tố tụng chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án:

Về hôn nhân: Ông T và bà H chung sống với nhau có đăng ký kết hôn là hôn nhân hợp pháp, do có mâu thuẫn vợ chồng nên đã sống ly thân và hiện không còn quan tâm chăm sóc lẫn nhau nên nguyên đơn yêu cầu được ly hôn, bị đơn đồng ý. Do mục đích hôn nhân không đạt được nên đề nghị HĐXX chấp nhận cho ly hôn.

Về con chung: Ông bà có 01 con chung là Đoàn Thị Huyền T, sinh ngày 10/3/2006, bà H yêu cầu nuôi con chung và yêu cầu cấp dưỡng nuôi con 2.000.000đ/tháng, ông T đồng ý nhường quyền nuôi con cho bà H và đồng ý cấp dưỡng nuôi con 2.000.000 đ/tháng, đề nghị Hội đồng xét xử giao cháu Đoàn Thị Huyền T cho bà Lê Thị Thanh H, ghi nhận sự tự nguyện của của các đương sự về cấp dưỡng nuôi con, cụ thể: Ông Đoàn Mạnh T phải cấp dưỡng nuôi cháu Đoàn Thị Huyền T 2.000.000đ/tháng cho đến khi cháu T đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung, nợ chung: Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa; sau khi Kiểm sát viên phát biểu về việc chấp hành pháp luật tố tụng dân sự của người tiến hành tố tụng và của đương sự, về nội dung vụ án; căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn ông Đoàn Mạnh T có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, bị đơn bà Lê Thị Thanh H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai để tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt không có lý do chính đáng. Vì vậy, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt đương sự theo quy định tại Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Đây là vụ án “ly hôn, tranh chấp về nuôi con” được quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự, khi thụ lý vụ án bị đơn cư trú tại: Xã A B, huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Phú Giáo theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về hôn nhân: Ông Đoàn Mạnh T và bà Lê Thị Thanh H chung sống với nhau từ năm 2005, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã S T, huyện Hương Sơn, tỉnh Hà Tĩnh ngày 08/3/2005, việc chung sống với nhau trên cơ sở được tìm hiểu tự nguyện, quan hệ hôn nhân giữa ông T, bà H là hôn nhân hợp pháp theo quy định tại Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Trong quá trình chung sống nguyên đơn cho rằng nguyên đơn và bị đơn có mâu thuẫn xảy ra do không hợp nhau, thường xuyên cãi nhau, đánh nhau hiện đã ly thân và không còn quan tâm chăm sóc lẫn nhau. Tình cảm vợ chồng đã không còn, mâu thuẫn không hàn gắn được, mục đích hôn nhân không đạt được nên nguyên đơn yêu cầu được ly hôn với bị đơn. Bị đơn trình bày vợ chồng xảy ra mâu thuẫn vì do ông bà không hợp nhau, thường xuyên cãi nhau, nay nguyên đơn xin ly hôn bị đơn đồng ý.

Tại biên bản xác minh ngày 28/8/2018, được chính quyền địa phương xác nhận: Cuộc sống của nguyên đơn và bị đơn thường xuyên phát sinh mâu thuẫn do thường xuyên cãi nhau điều này cũng phù hợp với lời khai của nguyên đơn và bị đơn, hiện tại hai người không còn quan tâm, chăm sóc lẫn nhau. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy, mâu thuẫn vợ chồng giữa nguyên đơn và bị đơn đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân

không đạt được, việc xin ly hôn của nguyên đơn là hoàn toàn tự nguyện bị đơn cũng đồng ý nên HĐXX chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn đối với bị đơn theo quy định tại Điều 51, Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[4] Về con chung: Căn cứ vào lời khai nhận của đương sự, bản sao giấy khai sinh, xác định nguyên đơn và bị đơn có với nhau 01 con chung là Đoàn Thị Huyền T, sinh ngày 10/3/2006. Nguyên đơn nhường quyền nuôi dưỡng con chung cho bị đơn, bị đơn yêu cầu được nuôi con chung. Hội đồng xét xử xét theo nguyện vọng của cháu T trên 7 tuổi là muốn chung sống với mẹ và các điều kiện về nuôi con, sự ổn định tâm lý của trẻ, điều kiện đảm bảo cho trẻ nhỏ được phát triển bình thường về thể chất, tinh thần và trí tuệ nên việc giao cháu T cho bị đơn nuôi dưỡng là phù hợp, không gây ảnh hưởng đến tâm sinh lý của trẻ và cũng phù hợp với sự thoả thuận của đương sự.

[5] Về cấp dưỡng nuôi con: Nguyên đơn đồng ý cấp dưỡng nuôi con tên Đoàn Thị Huyền T, sinh ngày 10/3/2006 mỗi tháng 2.000.000đ đến khi con đủ 18 tuổi. Bị đơn cũng đồng ý với ý kiến của nguyên đơn về mức cấp dưỡng nuôi con 2.000.000đ/tháng. Hội đồng xét xử thấy mức cấp dưỡng mà nguyên đơn và bị đơn thoả thuận là phù hợp nên ghi nhận sự tự nguyện của của các đương sự về cấp dưỡng nuôi con.

[6] Về tài sản chung: Tại biên bản hoà giải ngày 12/9/2018, bà H xin Toà án thêm thời gian 15 ngày để thoả thuận về tài sản. Toà án đã làm việc với bà H giải thích rõ quyền, nghĩa vụ cho bà H biết nếu có yêu cầu chia tài sản chung vợ chồng khi ly hôn thì bà phải nộp đơn yêu cầu chia tài sản chung vợ chồng khi ly hôn cho Toà án trước khi Toà án mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ. Hết thời hạn 15 ngày, Toà án đã thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ theo đúng quy định pháp luật, bà H không đưa ra ý kiến cũng như không có đơn yêu cầu Toà án giải quyết về chia tài sản chung nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[7] Về nợ chung: Đương sự không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[8] Xét đề nghị của Đại diện Viện Kiểm sát về nội dung vụ án là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[9] Về án phí: Đương sự phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; các Điều 147, 227, 228, 266, 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;
- Các Điều 9, 51, 55, 58, 81, 82, 83 và Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình;

- Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Đoàn Mạnh T đối với bị đơn bà Lê Thị Thanh H.

1. Về hôn nhân: Ông Đoàn Mạnh T được ly hôn với bà Lê Thị Thanh H.
2. Về nuôi con chung: Giao cháu Đoàn Thị Huyền T, sinh ngày 10/3/2006 cho bà Lê Thị Thanh H trực tiếp nuôi dưỡng.

Ông Đoàn Mạnh T có quyền và nghĩa vụ qua lại thăm con không ai được ngăn cản.

Vì quyền lợi hợp pháp, chính đáng của con chưa thành niên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, mức cấp dưỡng nuôi con khi đương sự có yêu cầu phù hợp với quy định của pháp luật.

3. Về cấp dưỡng nuôi con: Ông Đoàn Mạnh T phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con tên Đoàn Thị Huyền T, sinh ngày 10/3/2006 cho bà Lê Thị Thanh H số tiền 2.000.000đ/tháng cho đến khi cháu T đủ 18 tuổi. Thời gian cấp dưỡng tính từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án chưa thi hành xong số tiền thì hàng tháng người phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

4. Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

5. Về án phí:

- Ông Đoàn Mạnh T phải nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm được khấu trừ số tiền 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2016/0007614, ngày 16 tháng 8 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương.

- Ông Đoàn Mạnh T phải nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí về cấp dưỡng nuôi con.

6. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án

dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND huyện Phú Giáo;
- Những người tham gia tố tụng;
- Chi cục THADS huyện Phú Giáo;
- UBND xã S T, huyện Hương Sơn,
tỉnh Hà Tĩnh (số 07 ngày 08/3/2005);
- Lưu hồ sơ, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Hiền